

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 6 - 2025
V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Xuân Lập
- Bà Lê Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đức Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST - HNGĐ ngày 17/01/2025 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100 ngày 27/5/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Tô Thị D, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn B, xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn D, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tô Thị D trình bày:**

Chị chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Văn H từ năm 1993. Quá trình chung sống chị và anh H không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung giữa chị và anh H bình thường đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Nguyên nhân là do chị và anh H không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên bất đồng quan điểm. Cả hai đã tìm mọi biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tình cảm giữa chị và anh H ngày càng rạn nứt khiến cuộc sống chung căng thẳng, làm cả hai cùng mệt mỏi. Vì vậy mà từ năm 2014 anh H về xã T sinh sống, chị và anh H ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy

mâu thuẫn hai bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do chị và anh H chung sống như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/7/2007, chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị D xác nhận chị và anh H không có tài sản chung, không vay nợ chung của tổ chức cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H có quan điểm như sau:*

Anh và chị Tô Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh và chị D chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị D thường xuyên bất đồng quan điểm, không hiểu nhau nên không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh và chị D đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, tình cảm dành cho nhau không còn. Nay chị D khởi kiện yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D, anh thấy tình cảm giữa anh và chị D không còn. Cả hai không còn đời sống chung nhiều năm nay nên anh đồng ý, đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị H.

Về con chung: anh và chị D có 01 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/7/2007. Con chung là con gái cần có sự chăm sóc của chị D hơn nên chị D xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh đồng ý.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: anh và chị D tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung trong vụ án này.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị D xác nhận đã biết đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ, đối với việc gửi tài liệu chứng cứ cho anh H, chị đã thông báo đầy đủ cho anh H biết, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

Tòa án cũng đã tiến hành hỏi nguyện vọng của con chung Nguyễn Thị D1 thể hiện cháu D1 có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Tô Thị D.

Tại phiên tòa chị D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu ý kiến về việc chấp hành và tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tô Thị D. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tô Thị D và anh Nguyễn Văn H; về con chung: giao con chung Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/7/2007 cho chị Tô Thị D trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đến tuổi thành niên, anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về án phí sơ thẩm: miễn tiền án phí sơ thẩm cho chị Tô Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Xét thấy, nguyên đơn chị Tô Thị D yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Về yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng: xét thấy, chị Tô Thị D và anh Nguyễn Văn H đều xác nhận hai bên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có con chung, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi về chung sống thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Hai bên đã ly thân từ năm 2014 đến thời điểm hiện tại, không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, anh H cũng đồng ý, đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật. Như vậy, có căn cứ khẳng định anh H, chị D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền (có xác nhận của UBND xã T và UBND xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh), quá trình chung sống hai bên có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014 quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”

Về con chung: chị D và anh H đều xác nhận quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/7/2007, hai bên đều có quan điểm chị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung cũng có nguyện vọng được ở với chị Tô Thị D. Vì vậy, cần thiết giao con chung Nguyễn Thị D1 cho chị Tô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị Tô Thị D là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải nộp án phí sơ thẩm quy định tại khoản 4, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, chị D là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho chị D là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT -TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tô Thị D.

1.1 Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tô Thị D và anh Nguyễn Văn H.

1.2 Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị D1, sinh ngày 17/7/2007 cho chị Tô Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: miễn tiền án phí sơ thẩm cho chị Tô Thị D. Trả lại chị Tô Thị D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001620 ngày 13/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Hạ Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Hạ Long;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiệp